

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÔNG
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HS-ST

Ngày 17-01-2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Th1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Thước.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Nhân Khánh Phú và ông Vương Văn Vui.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhân Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ L số 14/2022/TLST-HS ngày 30/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HS ngày 20/12/2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 22/TB-TAND ngày 30/12/2022 đối với các bị cáo:

1. Trần Thị L, sinh ngày 01/7/1963 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn KT, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Hữu T, sinh năm 1935 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1936. Có chồng tên Đoàn L, sinh năm: 1958 và 06 người con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 2003. Tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 16/11/2022 cho đến nay. Có mặt.

2. Trần Thị Mai H, sinh ngày 29/8/1981 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn KT, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Trh, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1952. Có chồng tên Nguyễn Tr, sinh năm 1975 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2011. Tiền án: Không; tiền sự: Ngày 08/11/2021, bị Công an thị trấn KT, huyện ND xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 000088, ngày 08/11/2021, đã chấp hành nộp phạt vào ngày 25/01/2022. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 20/07/2022 cho đến nay. Có mặt.

3. Hoàng Văn Th, sinh ngày 18/8/1982 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn KT, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hoàng Văn B, sinh năm: 1946 và bà Hoàng Thị L, sinh năm: 1948. Vợ, con: Chưa có. Tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 20/07/2022 cho đến nay. Có mặt.

4. Trần V, sinh ngày 03/02/1970 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấn KT, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Tr (đã chết) và bà Đặng Thị X (đã chết). Vợ: Đoàn Thị Kh, sinh năm 1973, con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2005. Tiền án: Không; tiền sự: Ngày 27/01/2022, bị Công an thị trấn KT, huyện ND xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 02/QĐ - XPHC, ngày 27/01/2022, đã chấp hành nộp phạt vào ngày 21/03/2022. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 20/07/2022 cho đến nay. Có mặt.

5. Trần Hữu H, sinh ngày 31/8/1959 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn KT, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Lớp 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Hữu T, sinh năm 1935 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1936. Vợ: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1957, con có 05 người, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1995. Tiền án: Không; tiền sự: Ngày 08/11/2021, bị Công an thị trấn KT, huyện ND xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 000090, ngày 08/11/2021, đã chấp hành nộp phạt vào ngày 09/11/2021. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 20/07/2022 cho đến nay. Có mặt.

6. Lương Thị Lệ Th, sinh ngày 25/01/1971 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn 11, xã HX, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Lớp 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lương Ph, sinh năm: 1940 và bà Lê Thị K, sinh năm: 1946. Chồng: Phạm H, sinh năm: 1970. Con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án; tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 20/07/2022 cho đến nay. Có mặt.

7. Nguyễn Thị H1, sinh ngày 12/6/1957 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn KT, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn B (đã chết) và bà Lê Thị B (đã chết). Chồng: Trần Hữu H, sinh năm: 1959. Con có 05 người, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1995. Tiền án; tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 20/07/2022 cho đến nay. Có mặt.

8. Mai Xuân Th1, sinh ngày 10/4/1978 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn Xuân Phú, xã HP, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông;

trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Mai Tr, sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950. Vợ: Phan Thị Kim O, sinh năm 1979. Con có 03 người, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2003. Tiền án; tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 20/07/2022 cho đến nay. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Phạm Thị Nhã PH, sinh năm: 1995. Địa chỉ: Thôn 11, xã HX, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Anh Trương Thanh B, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn Ka Tư, xã HP, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Đoàn L, sinh năm 1958. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn KT, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ, ngày 19/03/2022, Trần Thị L đang bán quán tại nhà riêng của mình ở tổ dân phố 4, thị trấn KT, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế, thì có Trần Thị Mai H, Hoàng Văn Th, Trần V và Trần Hữu H đến mua thuốc lá, nước uống. Trong lúc H, Th, V và H ngồi chơi thì L nói: “Đánh bài cào lấy tiền trả tiền nước cho tôi” thì mọi người đồng ý nên L trải ra nền nhà hai tấm chiếu, chuẩn bị một đĩa nhựa, một cái ca làm bằng kim loại và hai bộ bài Tú lơ khơ 52 lá để đánh bạc thắng, thua bằng tiền. Khoảng 19 giờ 35 phút cùng ngày, Lương Thị Lệ Th đến quán của Trần Thị L, thấy có đánh bạc nên cũng ngồi vào tham gia. Đến khoảng 19 giờ 40 phút, Mai Xuân Th1 đến, lúc này Trần Thị Mai H đã thua hết tiền nên nghỉ chơi, ngồi ngoài xem thì Th1 vào tham gia đánh bạc. Đến 19 giờ 45 phút, Nguyễn Thị H đến nhà Trần Thị L tìm chồng là Trần Hữu H về ăn cơm nhưng thấy có đánh bạc nên cũng ngồi vào tham gia đánh. Trần Thị L vừa bán quán vừa đi lại xem mọi người đánh bạc.

Cách thức đánh bạc bằng hình thức “Cào tó 3 lá” thắng, thua bằng tiền như sau: Người chơi đặt tiền cược ra chiếu bạc (đặt mậu) 10.000 đồng rồi dùng bộ bài Tú lơ khơ 52 lá chia cho mỗi người chơi 03 lá bài, sau khi xem bài người chơi có thể cược Th (tổ) từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng, sau đó lật ba lá bài ra để tính thắng, thua (từ lớn đến nhỏ). Thứ tự bài lớn nhất là “Sam” (ba lá bài giống nhau), đến ba lá bài “Tây” (K, Q, J), rồi từ 09 điểm trở xuống; nếu người chơi có bài bằng nhau thì tính hai lá bài giống nhau (đôi), đến tính quân bài, tiếp đến là tính nước bài theo thứ tự Cơ, Rô, Chuồn, Bích. Người có bài cao nhất sẽ thắng toàn bộ số tiền đặt cược. Quá trình đánh bạc quy định người thắng trong một ván sẽ bỏ “xâu” 10.000 đồng để trả tiền nước uống, thuốc lá và tiền bài cho Trần Thị L.

Đến khoảng 20 giờ 50 phút cùng ngày, khi Hoàng Văn Th, Trần Hữu H, Trần V, Lương Thị Lệ Th, Nguyễn Thị H1 và Mai Xuân Th1 đang đánh bạc thắng, thua bằng tiền thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông phát hiện, bắt quả tang.

Thu giữ tại chiếu bạc gồm: Số tiền 690.000 đồng (trong đó có 80.000 đồng tiền bỏ xâu), 01 cái đĩa màu vàng, 01 cái ca kim loại, hai tấm chiếu, 09 bộ bài tú lơ khơ. Tạm giữ trong người các đối tượng gồm: Trần Thị L số tiền 550.000 đồng, Hoàng Văn Th số tiền 885.000 đồng, Trần Hữu H số tiền 605.000 đồng, Lương Thị Lệ Th số tiền 6.765.000 đồng, Nguyễn Thị H1 số tiền 500.000 đồng, riêng Mai Xuân Th1 chạy thoát nhưng sau đó đã đến Cơ quan Công an trình diện.

Quá trình điều tra, có cơ sở xác định được tổng số tiền các bị cáo đã sử dụng và sẽ sử dụng để đánh bạc là: 6.445.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*). Trong đó: Số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 690.000 đồng; Số tiền thu trên người sử dụng để đánh bạc của Hoàng Văn Th là: 885.000 đồng, Trần Hữu H là: 605.000 đồng, Lương Thị Lệ Th là: 3.765.000 đồng, Nguyễn Thị H là: 500.000 đồng. Đối với Trần Thị Mai H sử dụng số tiền 130.000 đồng để đánh bạc và đã thua hết, Trần V sử dụng số tiền 110.000 đồng để đánh bạc, toàn bộ tiền đánh để tại chiếu bạc, Mai Xuân Th1 sử dụng số tiền 100.000 đồng để đánh bạc, khi Cơ quan Công an bắt quả tang Th1 đã vớt toàn bộ số tiền tại chiếu bạc và chạy thoát.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng đã thu giữ của Lương Thị Lệ Th, qua điều tra xác định là tiền của chị Phạm Thị Nhã Ph, sinh năm: 1995, trú tại: Thôn 11, xã HX, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế gửi để nhờ Th đóng tiền hội, không dùng để đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Ph.

* Vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông hiện đang tạm giữ gồm:

- 09 (chín) bộ bài Tú lơ khơ, trong đó 01 (một) bộ bài gồm 52 lá bài đã sử dụng và 08 (tám) bộ còn nguyên hộp;
- 01 (một) chiếc đĩa màu vàng;
- 01 (một) cái ca kim loại màu bạc có quai, chiều cao 11,5cm, đường kính 12,5 cm;
- 02 (hai) tấm chiếu có hoa văn đỏ - vàng cùng loại, cùng kích thước (93x178) cm;
- Số tiền 6.995.000 đồng (bao gồm 6.445.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc và 550.000 đồng là tiền của Trần Thị L không sử dụng vào mục đích đánh bạc).

Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Trần Thị L, Trần Thị Mai H, Hoàng Văn Th, Trần V, Trần Hữu H, Lương Thị Lệ Th, Nguyễn Thị H1 và Mai Xuân Th1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKS-ND ngày 30/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông truy tố các bị cáo Trần Thị L, Trần Thị Mai H, Hoàng Văn Th, Trần V, Trần Hữu H, Lương Thị Lệ Th, Nguyễn Thị H1 và Mai Xuân Th1 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự: Áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Th1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt:

Trần Thị L, Trần Thị Mai H, Trần Hữu H, Trần V, mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Hoàng Văn Th, Lương Thị Lệ Th, Nguyễn Thị H1, Mai Xuân Th1, mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Về khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 6.445.000 đồng; tịch thu tiêu huỷ 09 (chín) bộ bài Tú lơ khơ, trong đó 01 (một) bộ bài gồm 52 lá bài đã sử dụng và 08 (tám) bộ còn nguyên hộp; 01 (một) chiếc đĩa màu vàng; 01 (một) cái ca kim loại màu bạc có quai, chiều cao 11,5cm, đường kính 12,5 cm; 02 (hai) tấm chiếu có hoa văn đỏ - vàng cùng loại, cùng kích thước (93x178) cm. Trả lại cho bị cáo Trần Thị L số tiền 550.000 đồng.

Ý kiến của các bị cáo và lời nói sau cùng: Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; phù hợp và các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có căn cứ kết luận: Vào khoảng 20 giờ 50 phút, ngày 19/3/2022, tại nhà của Trần Thị L, ở Tổ dân phố 4, thị trấn KT, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trần Thị Mai H, Hoàng Văn Th, Trần Hữu H, Trần V, Lương Thị Lệ Th, Nguyễn Thị H1 và Mai Xuân Th1 đã cùng nhau đánh bạc bằng hình thức “Cào tổ ba lá” thắng, thua bằng tiền thì bị phát hiện, bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là: 6.445.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*). Trần Thị L tuy không tham gia đánh bạc nhưng là người rủ rê và chuẩn bị các công cụ phục vụ

cho việc đánh bạc để lấy tiền bán nước uống, thuốc lá, bài. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; nhận thức hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh, văn hoá khu dân cư; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng với hành vi của từng bị cáo để có tính răn đe và phòng ngừa.

[4] Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, không có sự tổ chức, cấu kết chặt chẽ. Xét vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án thấy rằng:

[5] Đối với bị cáo Trần Thị L tuy không tham gia đánh bạc nhưng là người rủ rê và chuẩn bị các công cụ phục vụ cho việc đánh bạc để lấy tiền bán nước uống, thuốc lá, bài là người có vai trò chính trong vụ án, bị cáo đã sử dụng địa điểm tại quán của nhà mình, bán các bộ bài Tú lơ khơ để cho các bị cáo khác đánh bạc. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án, mức hình phạt của bị cáo cao hơn so với các bị cáo khác.

[6] Đối với các bị cáo Trần Thị Mai H, Hoàng Văn Th, Trần Hữu H, Trần V, Lương Thị Lệ Th, Nguyễn Thị H1 và Mai Xuân Th1 trực tiếp tham gia đánh bạc theo sự rủ rê của bị cáo Trần Thị L với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 6.445.000 đồng. Do đó vai trò của các bị cáo thứ yếu sau bị cáo Trần Thị L.

[7] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, biện pháp chấp hành hình phạt; Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này, các bị cáo Trần Thị L, Hoàng Văn Th, Lương Thị Lệ Th, Nguyễn Thị H1 và Mai Xuân Th1 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; các bị cáo Trần Thị Mai H, Trần Hữu H, Trần V đều có 01 (một) tiền sự về hành vi đánh bạc; tất cả các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng. Các bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là Th1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phạm vào tình tiết tăng nặng nào, ngoài lần phạm tội này thì các bị cáo chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú. Vì vậy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mà áp dụng thêm Điều 36 của Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ; giao các bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình quản lý, giáo dục cũng có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[8] Về khẩu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự thì các bị cáo phải chịu khấu trừ thu nhập hàng tháng từ 5% đến 20% để sung công quỹ Nhà nước; Về hình phạt bổ sung: Theo quy định của điều luật, ngoài hình phạt chính thì các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung bằng tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay nghề

nghiệp và thu nhập các bị cáo không ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9]. Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 6.445.000 đồng sử dụng đánh bạc cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước. Đối với 09 (chín) bộ bài Tú lơ khơ. Trong đó: 01 (một) bộ bài đã sử dụng và 08 (tám) bộ còn nguyên hộp; 01 (một) chiếc đĩa màu vàng; 01 (một) cái ca kim loại màu bạc có quai, chiều cao 11,5cm, đường kính 12,5 cm; 02 (hai) tấm chiếu có hoa văn đỏ - vàng cùng loại, cùng kích thước (93x178) cm là công cụ phạm tội nên tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 550.000 đồng xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo Trần Thị L không sử dụng để đánh bạc, cần trả lại cho bị cáo Trần Thị L. Đối với số tiền 3.000.000 đồng xác định là tài sản của chị Phạm Thị Nhã Ph, ngày 18/11/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông đã trả cho chị Ph và chị Ph không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[10] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ vào khoản 1 Điều 321. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị L, Trần Thị Mai H, Hoàng Văn Th, Trần V, Trần Hữu H, Lương Thị Lệ Th, Nguyễn Thị H1 và Mai Xuân Th1 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

- Các bị cáo Trần Thị L, Trần Thị Mai H, Trần V, Trần Hữu H, mỗi bị cáo 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Các bị cáo Hoàng Văn Th, Lương Thị Lệ Th, Nguyễn Thị H1 và Mai Xuân Th1 mỗi bị cáo 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Trần Thị L, Hoàng Văn Th, Nguyễn Thị H1, Trần Thị Mai H, Trần V, Trần Hữu H kể từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được Bản án và Quyết định thi hành án hình sự.

Giao các bị cáo Trần Thị L, Hoàng Văn Th, Nguyễn Thị H1, Trần Thị Mai H, Trần V, Trần Hữu H cho Ủy ban nhân dân thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời hạn cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Lương Thị Lệ Th kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã Hương Xuân, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được Bản án và Quyết định thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Lương Thị Lệ Th cho Ủy ban nhân dân xã Hương Xuân, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trong thời hạn cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Hương Xuân, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Lương Thị Lệ Th.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Mai Xuân Th1 kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã Hương Phú, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được Bản án và Quyết định thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Mai Xuân Th1 cho Ủy ban nhân dân xã Hương Phú, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục bị cáo trong thời hạn cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Hương Phú, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Mai Xuân Th1.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Trần Thị L, Trần Thị Mai H, Hoàng Văn Th, Trần V, Trần Hữu H, Lương Thị Lệ Th, Nguyễn Thị H1 và Mai Xuân Th1.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên bố:

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 6.445.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*).

Tịch thu tiêu huỷ 09 (chín) bộ bài Tú lơ khơ, trong đó 01 (một) bộ bài đã sử dụng và 08 (tám) bộ còn nguyên hộp; 01 (một) chiếc đĩa màu vàng; 01 (một) cái ca kim loại màu bạc có quai, chiều cao 11,5cm, đường kính 12,5 cm; 02 (hai) tấm chiếu có hoa văn đỏ - vàng cùng loại, cùng kích thước (93x178) cm.

Trả lại cho bị cáo Trần Thị L 550.000 đồng (*Năm trăm năm mươi ngàn đồng*).

Các vật chứng này có đặc điểm như mô tả trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/12/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Buộc các bị cáo Trần Thị L, Trần Thị Mai H, Hoàng Văn Th, Trần V, Trần Hữu H, Lương Thị Lệ Th, Nguyễn Thị H1 và Mai Xuân Th1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Nam Đông;
- CQCSĐT Công an huyện Nam Đông;
- CQTHAHS Công an huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND thị trấn Khe Tre;
- UBND xã H Xuân;
- UBND xã H Phú;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Minh Thước